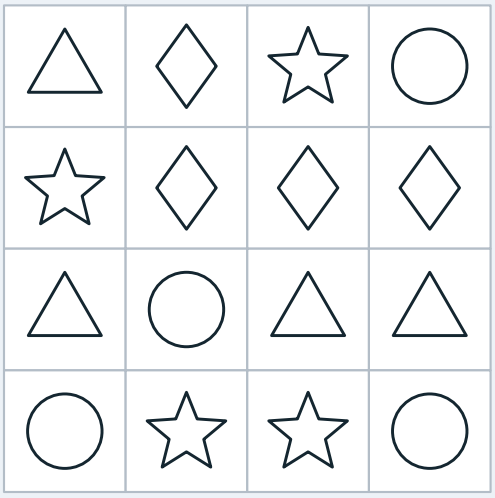
Tìm và đếm

Mẫu giáo | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

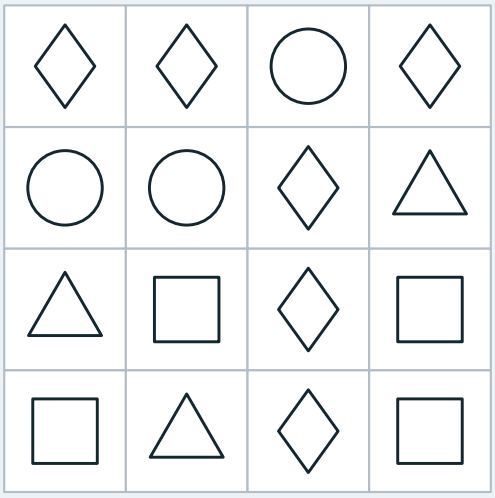
Người lớn có thể đọc to hướng dẫn này. Nhìn hình trong ô Tìm. Khoanh tròn mọi hình giống thế trong bảng. Đếm rồi viết số.

Khoanh tròn mọi hình giống hệt hình trong ô Tìm.

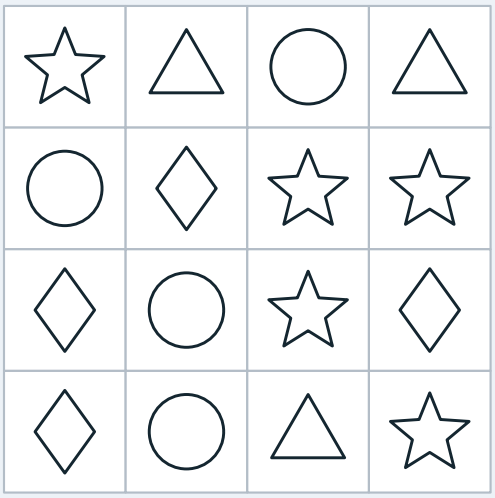
1 Tìm  Bao nhiêu? ☐

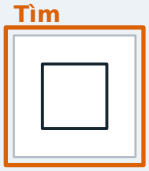


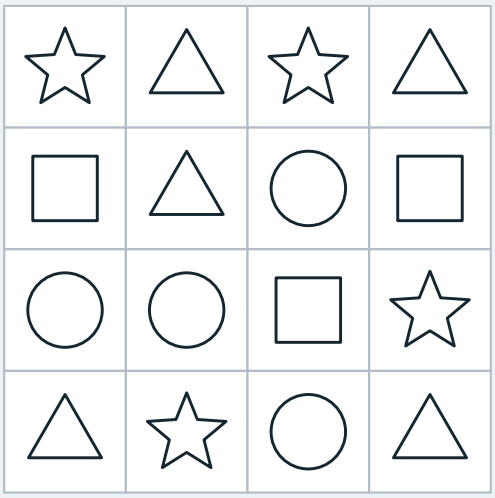
2 Tìm  Bao nhiêu? ☐



3 Tìm  Bao nhiêu? ☐



4 Tìm  Bao nhiêu? ☐

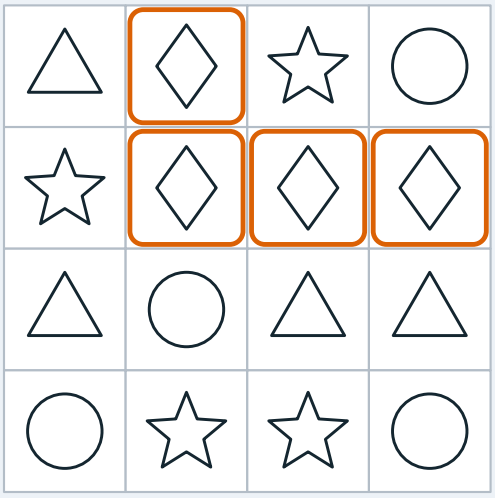


Tìm và đếm

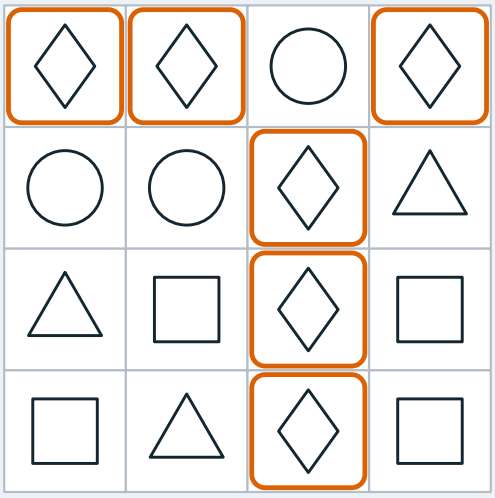
Mẫu giáo | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

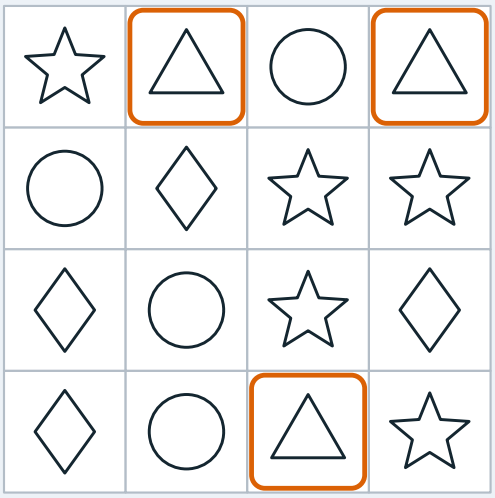
1 Tìm  Bao nhiêu? **4**

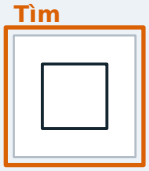


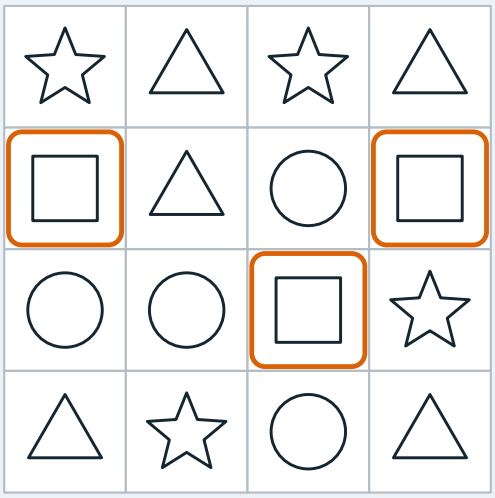
2 Tìm  Bao nhiêu? **6**



3 Tìm  Bao nhiêu? **3**



4 Tìm  Bao nhiêu? **3**



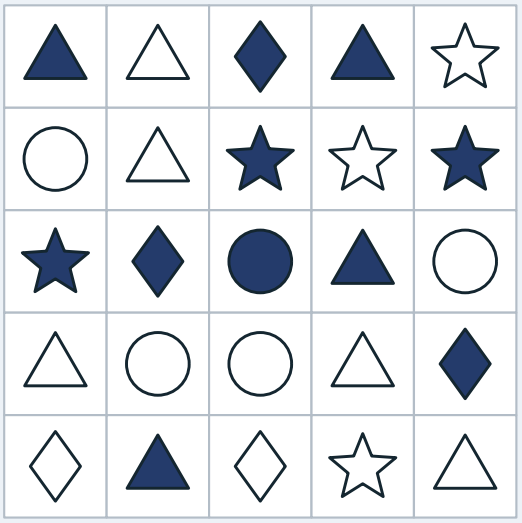
Tìm và đếm

Lớp 1 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

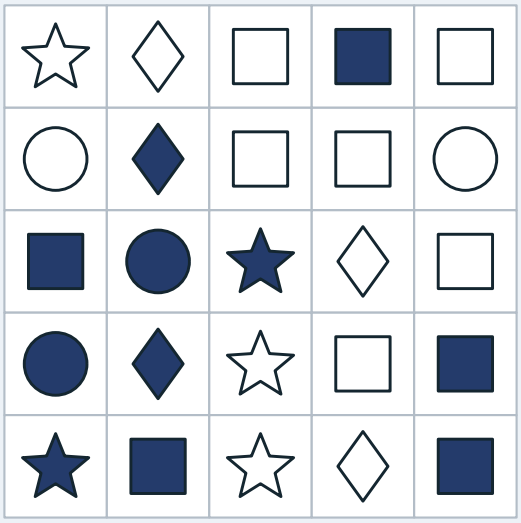
Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Chỉ khoanh những hình cùng dạng và cùng màu với ô Tìm.

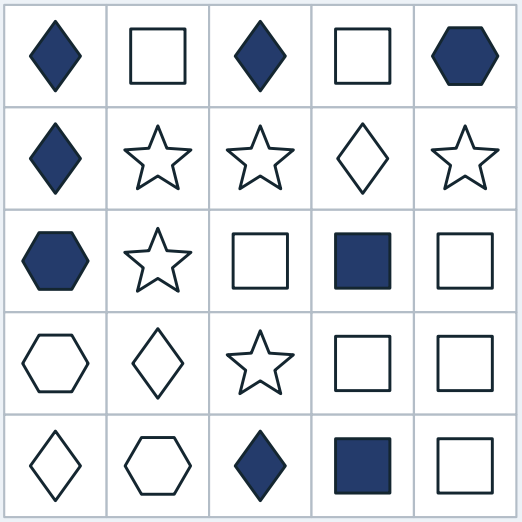
1 Tìm  Bao nhiêu? ☐

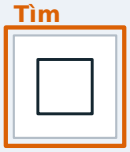


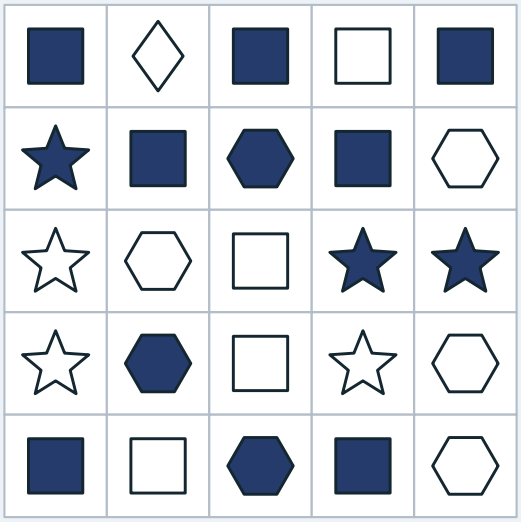
2 Tìm  Bao nhiêu? ☐



3 Tìm  Bao nhiêu? ☐



4 Tìm  Bao nhiêu? ☐

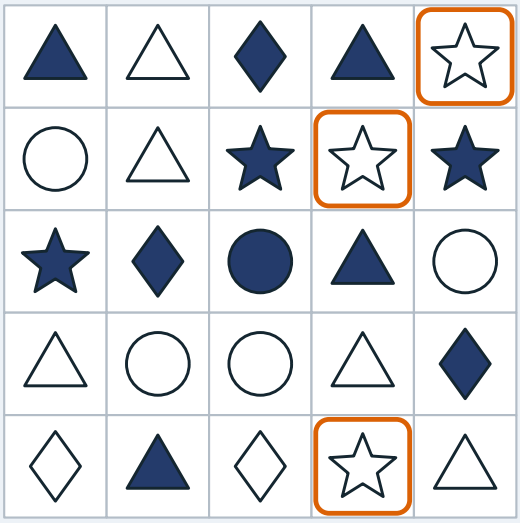


Tìm và đếm

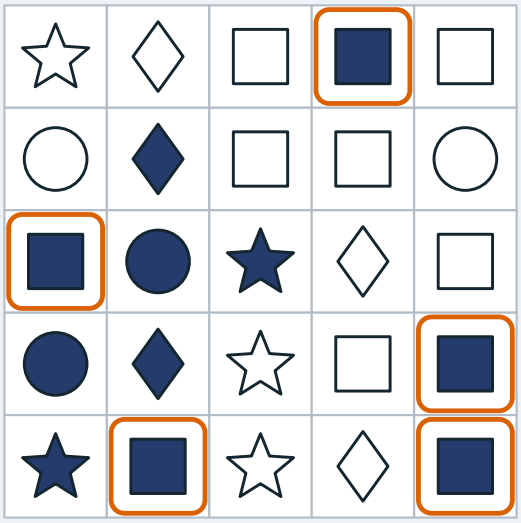
Lớp 1 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

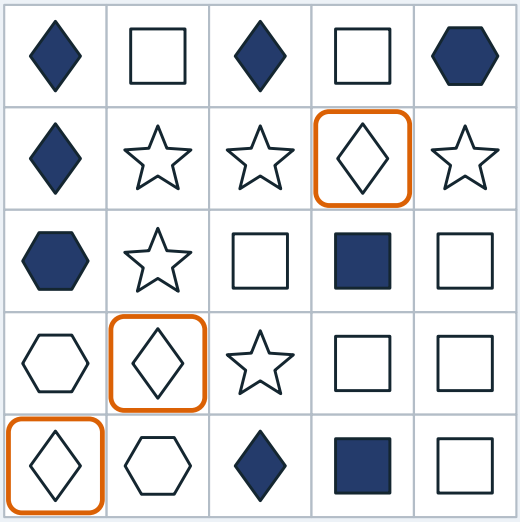
1 Tìm  Bao nhiêu? **3**

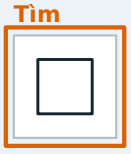


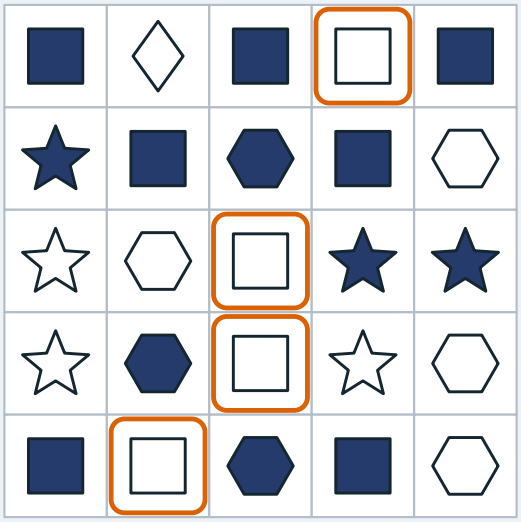
2 Tìm  Bao nhiêu? **5**



3 Tìm  Bao nhiêu? **3**



4 Tìm  Bao nhiêu? **4**



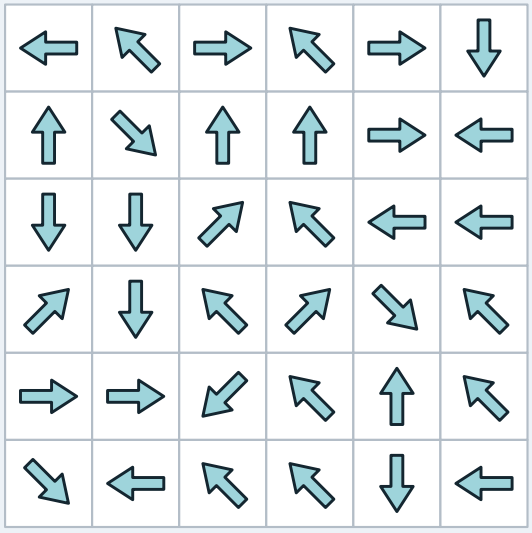
Tìm và đếm

Lớp 2 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

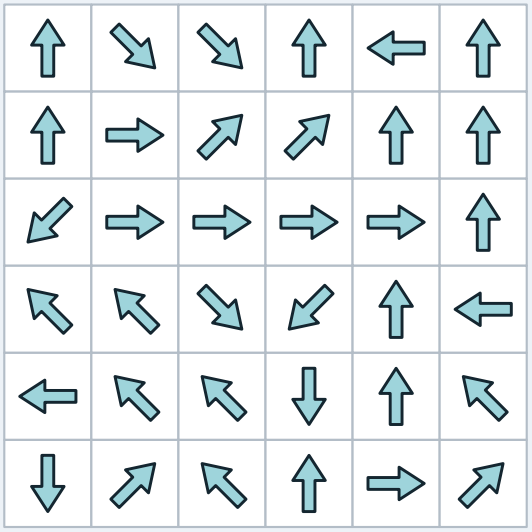
Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Khoanh tròn mọi mũi tên chỉ cùng hướng với mũi tên trong ô Tìm.

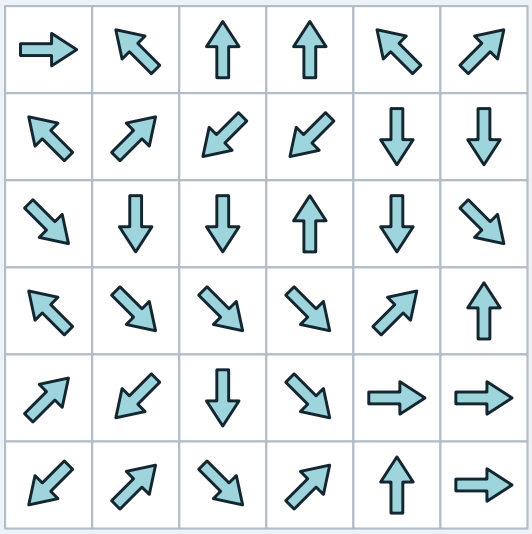
1 Tìm  Bao nhiêu? ☐



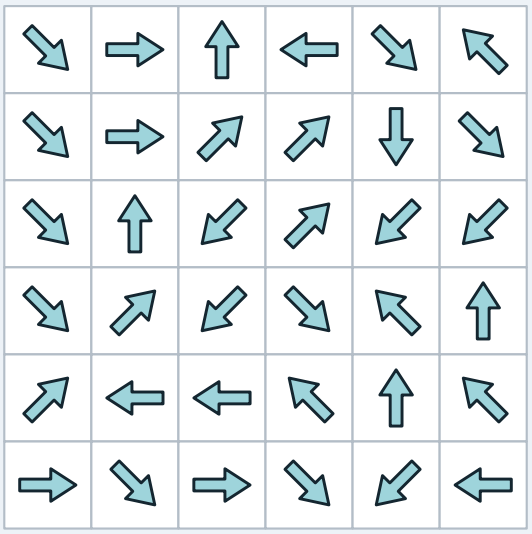
2 Tìm  Bao nhiêu? ☐



3 Tìm  Bao nhiêu? ☐



4 Tìm  Bao nhiêu? ☐

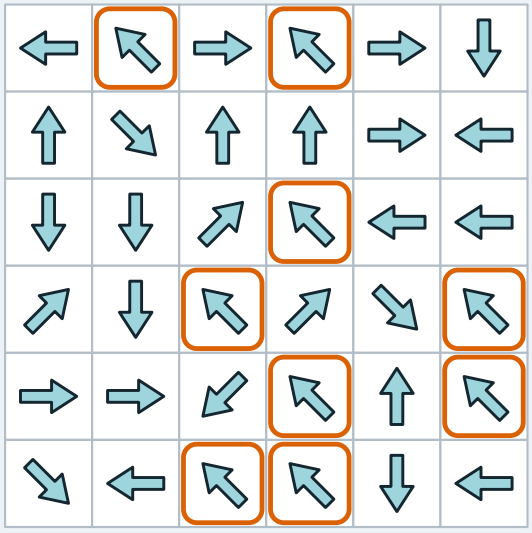


Tìm và đếm

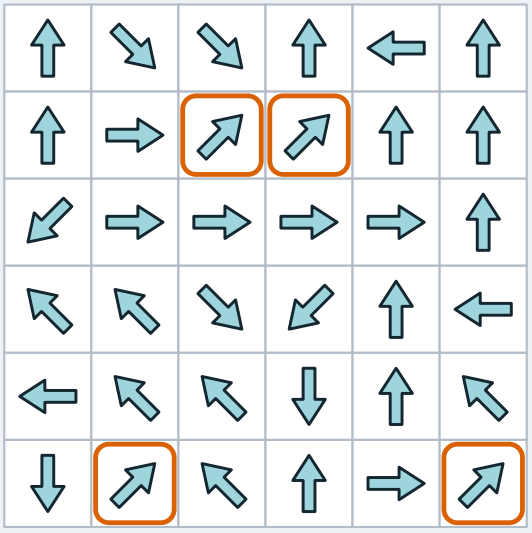
Lớp 2 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

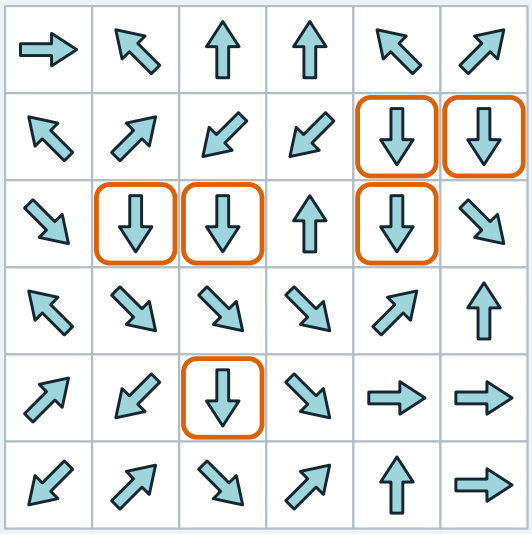
1 Tìm  Bao nhiêu? **9**



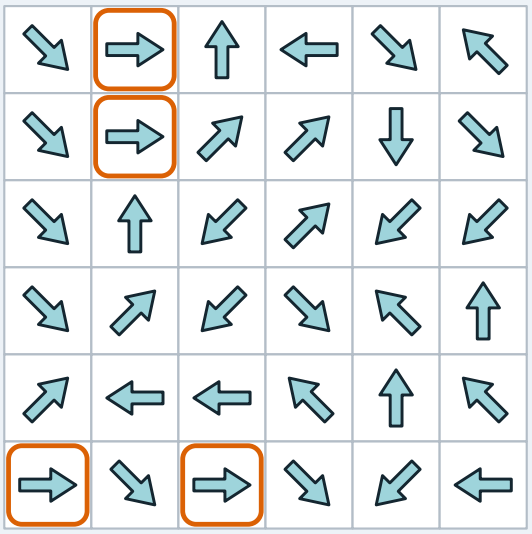
2 Tìm  Bao nhiêu? **4**



3 Tìm  Bao nhiêu? **6**



4 Tìm  Bao nhiêu? **4**



Tìm và đếm

Lớp 3 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Tính từng phép cộng, phép trừ. Khoanh tròn mọi phép tính có kết quả bằng số trong ô Tìm.

1 Tìm: 14 — Bao nhiêu? ____

19 − 7	22 − 9	28 − 12	16 − 2	30 − 18
3 + 1	25 − 11	3 + 10	29 − 16	21 − 7
19 − 3	10 + 5	10 + 6	13 + 3	3 + 12
16 − 12	22 − 8	30 − 14	12 + 3	27 − 11
22 − 6	8 + 5	30 − 16	4 + 12	15 − 1

2 Tìm: 16 — Bao nhiêu? ____

4 + 11	1 + 17	20 − 3	18 − 3	22 − 8
8 + 8	15 − 1	10 + 5	19 − 2	24 − 9
26 − 10	4 + 2	11 + 5	17 − 11	2 + 12
1 + 13	20 − 2	14 − 8	25 − 10	22 − 6
26 − 20	14 + 2	1 + 15	23 − 7	30 − 4

3 Tìm: 15 — Bao nhiêu? ____

11 + 2	21 − 8	6 + 11	25 − 20	6 + 7
12 + 4	23 − 10	17 − 3	12 + 3	2 + 11
27 − 11	20 − 6	1 + 14	7 + 9	2 + 15
25 − 10	21 − 5	12 − 7	28 − 3	4 + 11
10 + 3	30 − 15	14 + 2	10 + 7	18 − 2

4 Tìm: 14 — Bao nhiêu? ____

21 − 8	24 − 10	12 + 1	6 + 8	8 + 5
13 − 1	28 − 14	26 − 12	7 + 6	30 − 15
19 − 3	8 + 6	13 − 9	17 − 2	12 − 8
5 − 1	17 − 13	17 − 1	20 − 5	11 − 7
7 + 9	17 − 4	10 + 4	5 + 10	20 − 6

Tìm và đếm

Lớp 3 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm: 14

Bao nhiêu? 6

19 − 7	22 − 9	28 − 12	16 − 2	30 − 18
3 + 1	25 − 11	3 + 10	29 − 16	21 − 7
19 − 3	10 + 5	10 + 6	13 + 3	3 + 12
16 − 12	22 − 8	30 − 14	12 + 3	27 − 11
22 − 6	8 + 5	30 − 16	4 + 12	15 − 1

2

Tìm: 16

Bao nhiêu? 7

4 + 11	1 + 17	20 − 3	18 − 3	22 − 8
8 + 8	15 − 1	10 + 5	19 − 2	24 − 9
26 − 10	4 + 2	11 + 5	17 − 11	2 + 12
1 + 13	20 − 2	14 − 8	25 − 10	22 − 6
26 − 20	14 + 2	1 + 15	23 − 7	30 − 4

3

Tìm: 15

Bao nhiêu? 5

11 + 2	21 − 8	6 + 11	25 − 20	6 + 7
12 + 4	23 − 10	17 − 3	12 + 3	2 + 11
27 − 11	20 − 6	1 + 14	7 + 9	2 + 15
25 − 10	21 − 5	12 − 7	28 − 3	4 + 11
10 + 3	30 − 15	14 + 2	10 + 7	18 − 2

4

Tìm: 14

Bao nhiêu? 7

21 − 8	24 − 10	12 + 1	6 + 8	8 + 5
13 − 1	28 − 14	26 − 12	7 + 6	30 − 15
19 − 3	8 + 6	13 − 9	17 − 2	12 − 8
5 − 1	17 − 13	17 − 1	20 − 5	11 − 7
7 + 9	17 − 4	10 + 4	5 + 10	20 − 6

Tìm và đếm

Lớp 4 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Tính từng phép nhân, phép chia. Khoanh tròn mọi phép tính có kết quả bằng số trong ô Tìm.

1 Tìm: 12 — Bao nhiêu? ____

70 ÷ 7	33 ÷ 3	3 × 4	90 ÷ 9	84 ÷ 7
75 ÷ 5	12 × 3	50 ÷ 5	56 ÷ 4	36 ÷ 3
36 ÷ 4	6 × 2	22 ÷ 2	2 × 8	42 ÷ 3
60 ÷ 5	66 ÷ 6	12 × 2	5 × 3	40 ÷ 4
3 × 2	2 × 5	90 ÷ 6	26 ÷ 2	52 ÷ 4

2 Tìm: 36 — Bao nhiêu? ____

12 × 4	12 × 2	12 × 3	5 × 7	6 × 6
6 × 4	12 × 5	4 × 7	9 × 6	74 ÷ 2
66 ÷ 2	4 × 8	11 × 3	10 × 4	3 × 10
9 × 5	4 × 10	9 × 4	4 × 9	7 × 5
5 × 8	78 ÷ 2	3 × 12	9 × 2	9 × 3

3 Tìm: 24 — Bao nhiêu? ____

12 × 2	6 × 5	8 × 2	54 ÷ 2	9 × 3
8 × 3	5 × 4	4 × 7	3 × 6	44 ÷ 2
12 × 3	63 ÷ 3	4 × 8	6 × 6	2 × 12
81 ÷ 3	2 × 11	4 × 6	3 × 10	42 ÷ 2
3 × 8	3 × 7	8 × 4	12 × 4	66 ÷ 3

4 Tìm: 36 — Bao nhiêu? ____

12 × 2	66 ÷ 2	9 × 4	9 × 5	12 × 3
9 × 3	78 ÷ 2	4 × 9	68 ÷ 2	74 ÷ 2
12 × 5	9 × 2	3 × 10	11 × 3	6 × 7
6 × 6	3 × 12	5 × 7	99 ÷ 3	4 × 10
9 × 6	5 × 8	8 × 4	4 × 8	12 × 4

Tìm và đếm

Lớp 4 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm: 12

Bao nhiêu? 5

70 ÷ 7	33 ÷ 3	3 × 4	90 ÷ 9	84 ÷ 7
75 ÷ 5	12 × 3	50 ÷ 5	56 ÷ 4	36 ÷ 3
36 ÷ 4	6 × 2	22 ÷ 2	2 × 8	42 ÷ 3
60 ÷ 5	66 ÷ 6	12 × 2	5 × 3	40 ÷ 4
3 × 2	2 × 5	90 ÷ 6	26 ÷ 2	52 ÷ 4

2

Tìm: 36

Bao nhiêu? 5

12 × 4	12 × 2	12 × 3	5 × 7	6 × 6
6 × 4	12 × 5	4 × 7	9 × 6	74 ÷ 2
66 ÷ 2	4 × 8	11 × 3	10 × 4	3 × 10
9 × 5	4 × 10	9 × 4	4 × 9	7 × 5
5 × 8	78 ÷ 2	3 × 12	9 × 2	9 × 3

3

Tìm: 24

Bao nhiêu? 5

12 × 2	6 × 5	8 × 2	54 ÷ 2	9 × 3
8 × 3	5 × 4	4 × 7	3 × 6	44 ÷ 2
12 × 3	63 ÷ 3	4 × 8	6 × 6	2 × 12
81 ÷ 3	2 × 11	4 × 6	3 × 10	42 ÷ 2
3 × 8	3 × 7	8 × 4	12 × 4	66 ÷ 3

4

Tìm: 36

Bao nhiêu? 5

12 × 2	66 ÷ 2	9 × 4	9 × 5	12 × 3
9 × 3	78 ÷ 2	4 × 9	68 ÷ 2	74 ÷ 2
12 × 5	9 × 2	3 × 10	11 × 3	6 × 7
6 × 6	3 × 12	5 × 7	99 ÷ 3	4 × 10
9 × 6	5 × 8	8 × 4	4 × 8	12 × 4

Tìm và đếm

Lớp 5 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Khoanh tròn mọi số chia hết cho số trong ô Tìm.

1 Tìm: 6 — Bao nhiêu? ____

69	84	157	91	151	131
85	153	25	87	175	41
127	54	189	195	113	36
101	103	59	48	180	63
119	162	65	159	125	133
174	60	45	79	57	145

2 Tìm: 9 — Bao nhiêu? ____

144	96	46	82	192	69
150	141	114	90	30	153
163	64	66	126	75	78
118	57	44	120	15	18
72	109	143	102	199	54
136	161	89	170	60	125

3 Tìm: 4 — Bao nhiêu? ____

153	96	89	77	168	81
23	65	100	72	127	161
179	148	115	137	19	195
27	83	49	55	41	80
99	181	185	155	108	59
37	33	63	145	141	67

4 Tìm: 4 — Bao nhiêu? ____

95	67	37	73	109	121
97	171	180	35	16	119
75	85	187	152	83	13
72	88	115	191	19	33
127	192	28	183	131	92
20	21	137	163	155	69

Tìm và đếm

Lớp 5 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm **6**

Bao nhiêu? **8**

69	84	157	91	151	131
85	153	25	87	175	41
127	54	189	195	113	36
101	103	59	48	180	63
119	162	65	159	125	133
174	60	45	79	57	145

2

Tìm **9**

Bao nhiêu? **7**

144	96	46	82	192	69
150	141	114	90	30	153
163	64	66	126	75	78
118	57	44	120	15	18
72	109	143	102	199	54
136	161	89	170	60	125

3

Tìm **4**

Bao nhiêu? **7**

153	96	89	77	168	81
23	65	100	72	127	161
179	148	115	137	19	195
27	83	49	55	41	80
99	181	185	155	108	59
37	33	63	145	141	67

4

Tìm **4**

Bao nhiêu? **9**

95	67	37	73	109	121
97	171	180	35	16	119
75	85	187	152	83	13
72	88	115	191	19	33
127	192	28	183	131	92
20	21	137	163	155	69

Tìm và đếm

Lớp 6 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Khoanh tròn mọi phân số bằng phân số trong ô Tìm. Hãy rút gọn hoặc so sánh trước.

1

Tìm $\frac{7}{8}$

Bao nhiêu? ☐

$\frac{28}{31}$	$\frac{7}{7}$	$\frac{20}{24}$	$\frac{29}{32}$	$\frac{35}{39}$
$\frac{14}{15}$	$\frac{32}{28}$	$\frac{22}{24}$	$\frac{28}{32}$	$\frac{42}{49}$
$\frac{21}{24}$	$\frac{28}{33}$	$\frac{7}{9}$	$\frac{24}{27}$	$\frac{49}{56}$
$\frac{35}{41}$	$\frac{27}{32}$	$\frac{34}{40}$	$\frac{16}{14}$	$\frac{15}{16}$
$\frac{56}{49}$	$\frac{40}{35}$	$\frac{42}{48}$	$\frac{14}{16}$	$\frac{48}{42}$

2

Tìm $\frac{3}{8}$

Bao nhiêu? ☐

$\frac{9}{24}$	$\frac{12}{32}$	$\frac{18}{48}$	$\frac{21}{55}$	$\frac{6}{15}$
$\frac{18}{49}$	$\frac{56}{21}$	$\frac{21}{56}$	$\frac{40}{15}$	$\frac{7}{16}$
$\frac{8}{24}$	$\frac{15}{40}$	$\frac{15}{41}$	$\frac{48}{18}$	$\frac{3}{9}$
$\frac{16}{6}$	$\frac{5}{16}$	$\frac{8}{3}$	$\frac{24}{54}$	$\frac{12}{27}$
$\frac{2}{8}$	$\frac{6}{16}$	$\frac{6}{17}$	$\frac{19}{48}$	$\frac{24}{9}$

3

Tìm $\frac{7}{9}$

Bao nhiêu? ☐

$\frac{22}{27}$	$\frac{28}{36}$	$\frac{13}{18}$	$\frac{41}{54}$	$\frac{36}{28}$
$\frac{24}{30}$	$\frac{45}{35}$	$\frac{14}{17}$	$\frac{35}{45}$	$\frac{35}{46}$
$\frac{40}{50}$	$\frac{7}{10}$	$\frac{35}{44}$	$\frac{14}{19}$	$\frac{42}{55}$
$\frac{42}{53}$	$\frac{32}{40}$	$\frac{21}{27}$	$\frac{15}{18}$	$\frac{42}{54}$
$\frac{6}{9}$	$\frac{14}{18}$	$\frac{27}{36}$	$\frac{9}{7}$	$\frac{8}{9}$

4

Tìm $\frac{1}{3}$

Bao nhiêu? ☐

$\frac{8}{27}$	$\frac{8}{21}$	$\frac{9}{28}$	$\frac{24}{48}$	$\frac{5}{15}$
$\frac{6}{21}$	$\frac{12}{36}$	$\frac{5}{14}$	$\frac{12}{33}$	$\frac{9}{27}$
$\frac{9}{3}$	$\frac{10}{20}$	$\frac{3}{12}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{3}{9}$
$\frac{12}{24}$	$\frac{11}{30}$	$\frac{18}{6}$	$\frac{1}{6}$	$\frac{4}{9}$
$\frac{27}{9}$	$\frac{10}{30}$	$\frac{8}{24}$	$\frac{5}{16}$	$\frac{3}{6}$

Tìm và đếm

Lớp 6 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm $\frac{7}{8}$

Bao nhiêu? **5**

$\frac{28}{31}$	$\frac{7}{7}$	$\frac{20}{24}$	$\frac{29}{32}$	$\frac{35}{39}$
$\frac{14}{15}$	$\frac{32}{28}$	$\frac{22}{24}$	$\frac{28}{32}$	$\frac{42}{49}$
$\frac{21}{24}$	$\frac{28}{33}$	$\frac{7}{9}$	$\frac{24}{27}$	$\frac{49}{56}$
$\frac{35}{41}$	$\frac{27}{32}$	$\frac{34}{40}$	$\frac{16}{14}$	$\frac{15}{16}$
$\frac{56}{49}$	$\frac{40}{35}$	$\frac{42}{48}$	$\frac{14}{16}$	$\frac{48}{42}$

2

Tìm $\frac{3}{8}$

Bao nhiêu? **6**

$\frac{9}{24}$	$\frac{12}{32}$	$\frac{18}{48}$	$\frac{21}{55}$	$\frac{6}{15}$
$\frac{18}{49}$	$\frac{56}{21}$	$\frac{21}{56}$	$\frac{40}{15}$	$\frac{7}{16}$
$\frac{8}{24}$	$\frac{15}{40}$	$\frac{15}{41}$	$\frac{48}{18}$	$\frac{3}{9}$
$\frac{16}{6}$	$\frac{5}{16}$	$\frac{8}{3}$	$\frac{24}{54}$	$\frac{12}{27}$
$\frac{2}{8}$	$\frac{6}{16}$	$\frac{6}{17}$	$\frac{19}{48}$	$\frac{24}{9}$

3

Tìm $\frac{7}{9}$

Bao nhiêu? **5**

$\frac{22}{27}$	$\frac{28}{36}$	$\frac{13}{18}$	$\frac{41}{54}$	$\frac{36}{28}$
$\frac{24}{30}$	$\frac{45}{35}$	$\frac{14}{17}$	$\frac{35}{45}$	$\frac{35}{46}$
$\frac{40}{50}$	$\frac{7}{10}$	$\frac{35}{44}$	$\frac{14}{19}$	$\frac{42}{55}$
$\frac{42}{53}$	$\frac{32}{40}$	$\frac{21}{27}$	$\frac{15}{18}$	$\frac{42}{54}$
$\frac{6}{9}$	$\frac{14}{18}$	$\frac{27}{36}$	$\frac{9}{7}$	$\frac{8}{9}$

4

Tìm $\frac{1}{3}$

Bao nhiêu? **6**

$\frac{8}{27}$	$\frac{8}{21}$	$\frac{9}{28}$	$\frac{24}{48}$	$\frac{5}{15}$
$\frac{6}{21}$	$\frac{12}{36}$	$\frac{5}{14}$	$\frac{12}{33}$	$\frac{9}{27}$
$\frac{9}{3}$	$\frac{10}{20}$	$\frac{3}{12}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{3}{9}$
$\frac{12}{24}$	$\frac{11}{30}$	$\frac{18}{6}$	$\frac{1}{6}$	$\frac{4}{9}$
$\frac{27}{9}$	$\frac{10}{30}$	$\frac{8}{24}$	$\frac{5}{16}$	$\frac{3}{6}$

Tìm và đếm

Lớp 7 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Phân số, số thập phân và phần trăm lẫn lộn. Khoanh tròn mọi giá trị bằng giá trị trong ô Tìm.

1 Tìm: 0,375 — Bao nhiêu? ☐

$\frac{3}{8}$	50%	$\frac{32}{12}$	$\frac{1}{3}$	0,425
$\frac{6}{17}$	0,0375	62,5%	$\frac{9}{24}$	$\frac{24}{9}$
$\frac{12}{33}$	$\frac{17}{40}$	$\frac{13}{32}$	$\frac{40}{15}$	$\frac{16}{40}$
$\frac{15}{40}$	0,475	375%	$\frac{15}{4}$	$\frac{4}{8}$
0,573	$\frac{6}{16}$	$\frac{11}{40}$	$\frac{1}{2}$	37,5%

2 Tìm: 0,8 — Bao nhiêu? ☐

$\frac{20}{25}$	80%	$\frac{16}{20}$	$\frac{20}{26}$	$\frac{4}{6}$
0,2	$\frac{20}{16}$	$\frac{8}{11}$	20%	800%
0,9	$\frac{24}{30}$	0,08	$\frac{8}{10}$	125%
$\frac{13}{15}$	100%	$\frac{4}{5}$	75%	$\frac{25}{20}$
$\frac{28}{35}$	0,7	$\frac{16}{21}$	70%	$\frac{17}{20}$

3 Tìm: 12,5% — Bao nhiêu? ☐

0,521	$\frac{4}{32}$	$\frac{7}{40}$	$\frac{3}{24}$	$\frac{2}{16}$
0,175	800%	$\frac{1}{4}$	$\frac{24}{3}$	$\frac{2}{17}$
$\frac{5}{4}$	$\frac{4}{33}$	$\frac{1}{8}$	0,125	$\frac{3}{25}$
0,875	$\frac{5}{40}$	0,25	0,075	$\frac{5}{32}$
$\frac{3}{40}$	$\frac{2}{8}$	$\frac{1}{9}$	0,025	125%

4 Tìm: 80% — Bao nhiêu? ☐

70%	1,25	$\frac{15}{12}$	0,2	$\frac{28}{35}$
$\frac{7}{10}$	0,85	100%	$\frac{32}{40}$	$\frac{9}{10}$
8%	$\frac{5}{5}$	$\frac{12}{15}$	20%	0,8
$\frac{20}{25}$	$\frac{1}{5}$	$\frac{4}{5}$	$\frac{8}{11}$	$\frac{25}{20}$
$\frac{3}{4}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{20}{16}$	$\frac{8}{10}$	$\frac{13}{15}$

Tìm và đếm

Lớp 7 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm: 0,375

Bao nhiêu? **5**

$\frac{3}{8}$	50%	$\frac{32}{12}$	$\frac{1}{3}$	0,425
$\frac{6}{17}$	0,0375	62,5%	$\frac{9}{24}$	$\frac{24}{9}$
$\frac{12}{33}$	$\frac{17}{40}$	$\frac{13}{32}$	$\frac{40}{15}$	$\frac{16}{40}$
$\frac{15}{40}$	0,475	375%	$\frac{15}{4}$	$\frac{4}{8}$
0,573	$\frac{6}{16}$	$\frac{11}{40}$	$\frac{1}{2}$	37,5%

2

Tìm: 0,8

Bao nhiêu? **7**

$\frac{20}{25}$	80%	$\frac{16}{20}$	$\frac{20}{26}$	$\frac{4}{6}$
0,2	$\frac{20}{16}$	$\frac{8}{11}$	20%	800%
0,9	$\frac{24}{30}$	0,08	$\frac{8}{10}$	125%
$\frac{13}{15}$	100%	$\frac{4}{5}$	75%	$\frac{25}{20}$
$\frac{28}{35}$	0,7	$\frac{16}{21}$	70%	$\frac{17}{20}$

3

Tìm: 12,5%

Bao nhiêu? **6**

0,521	$\frac{4}{32}$	$\frac{7}{40}$	$\frac{3}{24}$	$\frac{2}{16}$
0,175	800%	$\frac{1}{4}$	$\frac{24}{3}$	$\frac{2}{17}$
$\frac{5}{4}$	$\frac{4}{33}$	$\frac{1}{8}$	0,125	$\frac{3}{25}$
0,875	$\frac{5}{40}$	0,25	0,075	$\frac{5}{32}$
$\frac{3}{40}$	$\frac{2}{8}$	$\frac{1}{9}$	0,025	125%

4

Tìm: 80%

Bao nhiêu? **7**

70%	1,25	$\frac{15}{12}$	0,2	$\frac{28}{35}$
$\frac{7}{10}$	0,85	100%	$\frac{32}{40}$	$\frac{9}{10}$
8%	$\frac{5}{5}$	$\frac{12}{15}$	20%	0,8
$\frac{20}{25}$	$\frac{1}{5}$	$\frac{4}{5}$	$\frac{8}{11}$	$\frac{25}{20}$
$\frac{3}{4}$	$\frac{2}{3}$	$\frac{20}{16}$	$\frac{8}{10}$	$\frac{13}{15}$

Tìm và đếm

Lớp 8 | 2026-11-10 | Phiếu bài tập

Nhìn vào ô Tìm. Dò bảng từng hàng một, khoanh tròn mọi ô giống nó, rồi viết số ô em đã khoanh. Cẩn thận với những ô gần giống.

Tính từng biểu thức: lũy thừa và căn trước, rồi nhân, sau cùng cộng trừ. Khoanh tròn mọi biểu thức bằng số trong ô Tìm.

1 Tìm: 39 — Bao nhiêu? ☐

$4^3 - 25$	$7 \times 8 - 18$	$8 \times 8 - 23$
$7 \times 9 - 25$	$(-2) \times 5 + 50$	$52 - 5 \times 2$
$(11 - 5)^2$	$5 \times 9 - 6$	$3^2 + 30$
$8^2 - 25$	$\sqrt{144} \times 3$	$(-2) \times 7 + 52$
$(-2) \times 2 + 44$	$(-9) \times 7 + 24$	$54 - 3 \times 5$

2 Tìm: 58 — Bao nhiêu? ☐

$\sqrt{64} \times 7$	$7 \times 9 - 3$	$4^3 - 6$
$9^2 - 24$	$\sqrt{144} + (-7)^2$	$8 \times 8 - 6$
$9^2 - 23$	$7^2 + 9$	$8 \times 8 - 8$
$(-8) \times (-7)$	$\sqrt{121} + (-7)^2$	$7^2 + 6$
$8 \times 9 - 15$	$9 \times 8 - 17$	$4^3 - 9$

3 Tìm: 17 — Bao nhiêu? ☐

$(12 - 8)^2$	$8 \times 4 - 15$	$\sqrt{100} + (-2)^2$
$3^3 - 10$	$(-7) \times 3 + 38$	$7 \times 5 - 16$
$(-5) \times 7 + 52$	$3 \times 6 - 4$	$6 \times 6 - 18$
$3^2 + 8$	$18 - 5 \times 7$	$46 - 4 \times 7$
$38 - 4 \times 6$	$38 - 7 \times 3$	$(7 - 3)^2$

4 Tìm: 48 — Bao nhiêu? ☐

$(-3) \times 2 + 54$	$56 - 3 \times 2$	$58 - 5 \times 2$
$4^3 - 19$	$(11 - 4)^2$	$9 \times 7 - 13$
$(-2) \times 4 + 54$	$9 \times 8 - 24$	$60 - 3 \times 5$
$(-3) \times 3 + 56$	$16 - 8 \times 8$	$\sqrt{81} + (-6)^2$
$6^2 + 12$	$(-4) \times 3 + 58$	$8^2 - 13$

Tìm và đếm

Lớp 8 | 2026-11-10 | Đáp án

Vòng tròn đánh dấu mọi ô phù hợp, con số cho biết có bao nhiêu ô. Nếu số đếm chưa khớp, hãy cùng con dò lại bảng từng hàng một.

1

Tìm: 39

Bao nhiêu? 5

$4^3 - 25$	$7 \times 8 - 18$	$8 \times 8 - 23$
$7 \times 9 - 25$	$(-2) \times 5 + 50$	$52 - 5 \times 2$
$(11 - 5)^2$	$5 \times 9 - 6$	$3^2 + 30$
$8^2 - 25$	$\sqrt{144} \times 3$	$(-2) \times 7 + 52$
$(-2) \times 2 + 44$	$(-9) \times 7 + 24$	$54 - 3 \times 5$

2

Tìm: 58

Bao nhiêu? 4

$\sqrt{64} \times 7$	$7 \times 9 - 3$	$4^3 - 6$
$9^2 - 24$	$\sqrt{144} + (-7)^2$	$8 \times 8 - 6$
$9^2 - 23$	$7^2 + 9$	$8 \times 8 - 8$
$(-8) \times (-7)$	$\sqrt{121} + (-7)^2$	$7^2 + 6$
$8 \times 9 - 15$	$9 \times 8 - 17$	$4^3 - 9$

3

Tìm: 17

Bao nhiêu? 6

$(12 - 8)^2$	$8 \times 4 - 15$	$\sqrt{100} + (-2)^2$
$3^3 - 10$	$(-7) \times 3 + 38$	$7 \times 5 - 16$
$(-5) \times 7 + 52$	$3 \times 6 - 4$	$6 \times 6 - 18$
$3^2 + 8$	$18 - 5 \times 7$	$46 - 4 \times 7$
$38 - 4 \times 6$	$38 - 7 \times 3$	$(7 - 3)^2$

4

Tìm: 48

Bao nhiêu? 4

$(-3) \times 2 + 54$	$56 - 3 \times 2$	$58 - 5 \times 2$
$4^3 - 19$	$(11 - 4)^2$	$9 \times 7 - 13$
$(-2) \times 4 + 54$	$9 \times 8 - 24$	$60 - 3 \times 5$
$(-3) \times 3 + 56$	$16 - 8 \times 8$	$\sqrt{81} + (-6)^2$
$6^2 + 12$	$(-4) \times 3 + 58$	$8^2 - 13$